

VAI TRÒ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI ĐẦU TƯ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TẠI DOANH NGHIỆP HÀ NỘI

Nguyễn Thị Nguyệt * Bé Thu Trang**

Tóm tắt

Đổi mới công nghệ ở doanh nghiệp đã được Nhà nước quan tâm với hàng loạt chính sách và chương trình hỗ trợ trong thời gian qua. Tuy nhiên, các chương trình hỗ trợ chưa thực sự thu hút sự quan tâm của doanh nghiệp. Doanh nghiệp Hà Nội còn nhiều khó khăn trong tiếp cận chính sách, thông tin, việc thực thi chính sách còn nhiều khó khăn trong thực tế, hoạt động nghiên cứu và phát triển chi mang tính hình thức và chưa được chú trọng ở doanh nghiệp. Đổi mới công nghệ là công việc của chính doanh nghiệp, xuất phát từ nhu cầu phát triển bền vững của doanh nghiệp và doanh nghiệp chính là chủ thể thực hiện đổi mới công nghệ. Nhà nước chỉ vai trò dẫn dắt, hỗ trợ, quản lý và khuyến khích các thành phần kinh tế cùng tham gia đổi mới công nghệ. Tuy nhiên, nhiều doanh nghiệp Việt Nam quy mô còn nhỏ và tiềm lực yếu, chính vì vậy Nhà nước đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận thông tin về các chính sách, hỗ trợ huy động các nguồn lực cho đầu tư đổi mới, hợp tác đầu tư khoa học và công nghệ với doanh nghiệp, làm "cầu nối" giữa các nhà khoa học công nghệ và doanh nghiệp, phát huy tối đa tiềm lực trong doanh nghiệp và các thành phần kinh tế để hỗ trợ tốt nhất cho doanh nghiệp đầu tư cho đổi mới công nghệ.

Từ khóa: Đầu tư, đổi mới, khoa học và công nghệ, doanh nghiệp.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và cạnh tranh ngày càng gay gắt hiện nay, đổi mới công nghệ để tồn tại và phát triển là nhu cầu và đòi hỏi tất yếu đối với doanh nghiệp mỗi quốc gia. Trong suốt gần 30 năm đổi mới, Đảng và Nhà nước ta hết sức coi trọng vai trò của khoa học công nghệ trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, và xác định khoa học công nghệ là yếu

tố quan trọng trong tiến trình hội nhập và là động lực của quá trình phát triển nhanh và bền vững. Điều này được cụ thể hoá bằng việc tạo lập khung pháp lý, hình thành cơ chế chính sách để thúc đẩy quá trình đổi mới công nghệ cho nền kinh tế cũng như doanh nghiệp.

Cho đến nay, đã có nhiều chính sách phát triển khoa học công nghệ nhưng khả năng các doanh nghiệp tiếp cận những chính sách hỗ trợ và các chương trình ưu đãi của Chính phủ còn hạn chế. Tỷ lệ những doanh nghiệp tham gia chương trình hỗ trợ của Chính phủ còn rất khiêm tốn (dưới 10%), do nguồn lực của bản thân doanh nghiệp bị hạn chế hoặc do chính sách chương trình của Nhà nước còn dàn trải, nhiều rào cản hành chính, nặng cơ chế xin cho (Nguyễn Thị Minh Nghĩa, 2015). Các doanh nghiệp cũng như các cơ quan nhà nước chưa chú trọng thực hiện công tác R&D mà chỉ coi là hoạt động mang tính thêm thắt (World Bank, 2014). Sự liên kết giữa doanh nghiệp và các cơ quan nghiên cứu còn lỏng lẻo. Theo một khảo sát của Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương (CIFEM) và Ngân hàng Thế giới, chỉ khoảng 1% hợp tác với các viện nghiên cứu, trường đại học (World Bank 2014). Do vậy, có thể nhận thấy, mức độ kết nối giữa các trung tâm, viện nghiên cứu với các doanh nghiệp hiện nay chưa thật sự chặt chẽ. Đa số các tổ chức nghiên cứu của Nhà nước chỉ hợp tác với doanh nghiệp đến khi kết thúc đề tài nghiên cứu, nên doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc triển khai sản phẩm vào thực tiễn.

Thêm vào đó, các địa phương còn thiếu chủ động và quyết tâm trong việc thể chế hóa và tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách về KH&CN. Sự phối hợp giữa các sở, ban, ngành còn thiếu chặt chẽ, chưa có cơ chế thực thi đồng bộ trong việc triển khai các cơ chế, chính sách phát triển KH&CN, hỗ trợ đổi mới công nghệ cho doanh nghiệp. Việc đầu tư đổi mới và

* Nguyễn Thị Nguyệt, Tiến sĩ, Phó tổng biên tập Tạp chí Quản lý kinh tế.

** Bé Thu Trang, Thạc sĩ, Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương.

chuyển giao công nghệ phải do doanh nghiệp quyết định là chính, nhưng chính sách của Nhà nước vẫn đóng vai trò quan trọng trong điều kiện tiềm lực KHCN của doanh nghiệp còn yếu. Có thể nhận thấy, Nhà nước chưa thực sự phát huy hiệu quả vai trò của mình trong việc tạo điều kiện cũng như thúc đẩy DN đầu tư đổi mới công nghệ (ĐMCN). Đặc biệt, tư tưởng bao cấp, nặng cơ chế xin-cho trong thực hiện các chương trình hỗ trợ của Nhà nước vẫn còn tồn tại. Chính vì vậy, cần phải tiếp tục nghiên cứu vai trò của Nhà nước trong việc thúc đẩy doanh nghiệp đầu tư vào đổi mới công nghệ trong tương lai. Bài nghiên cứu này thuộc đề tài nghiên cứu cấp thành phố “Đổi mới đầu tư khoa học và công nghệ để doanh nghiệp Hà Nội phát triển bền vững”, mã số 01X-10/10-2014-2, được tài trợ bởi Sở Khoa học và Công nghệ Hà Nội.

2. Thực trạng các chính sách của Nhà nước hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư KHCN

2.1. Tổng quan chung về các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp Hà Nội đầu tư KHCN

Chính sách của Nhà nước

Trong những năm gần đây, hàng loạt các chính sách của Chính phủ được ban hành, khuyến khích doanh nghiệp tăng cường đầu tư KHCN, nâng cao năng lực nghiên cứu và phát triển, từ đó nâng cao năng lực công nghệ và quản trị doanh nghiệp.

Về các Luật, nghị định và quyết định của Chính phủ:

- Nghị định 95/2014/NĐ-CP nêu rõ doanh nghiệp nhà nước hàng năm phải trích từ 3% đến 10% thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp để lập quỹ phát triển KHCN của doanh nghiệp. Doanh nghiệp ngoài nhà nước được quyền trích từ thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp một tỷ lệ hợp lý, tối đa 10% để lập Quỹ phát triển KHCN của doanh nghiệp.

- Quyết định 592/QĐ-TTg năm 2012 Chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ và tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm.

- Nghị định số 56/2009/NĐ-CP, quy định các chính sách trợ giúp và quản lý Nhà nước về trợ

giúp phát triển doanh nghiệp, thành lập Quỹ phát triển DNNVV để tài trợ các chương trình giúp nâng cao năng lực cạnh tranh cho DNNVV, chủ trọng hỗ trợ hoạt động đổi mới trang thiết bị kỹ thuật, công nghệ tiên tiến, nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, tài trợ kinh phí cho các chương trình, các dự án cho DNNVV;

- Nghị định 119 của Chính phủ năm 1999 khuyến khích, ưu đãi cho DN đầu tư vào các hoạt động nghiên cứu và phát triển.

Hà Nội thể hiện quyết tâm cải thiện môi trường KHCN qua việc duy trì 2% ngân sách cho KHCN, hướng tới năm 2020 sẽ dành 2,5% ngân sách thành phố cho hoạt động này, tạo thêm điều kiện thuận lợi phát huy tiềm lực KHCN. Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm của Thủ đô giai đoạn 2015 - 2020, triển khai chương trình nghiên cứu, phát triển các sản phẩm công nghệ mũi nhọn phù hợp với kinh tế xã hội của Thủ đô; đồng thời Hà Nội có chương trình hỗ trợ doanh nghiệp sử dụng năng lượng tiết kiệm và xử lý ô nhiễm môi trường, chương trình hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng nhãn hiệu hàng hóa, phát triển tài sản sở hữu trí tuệ.

Quyết định 4094/QĐ-UBND phê duyệt chương trình hỗ trợ lãi suất sau đầu tư cho các doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố năm 2014. Cụ thể, Hà Nội sẽ hỗ trợ lãi suất sau đầu tư đối với các khoản vay trung và dài hạn (từ 1 năm trở lên) bằng VND cho các doanh nghiệp sử dụng nguồn vốn vay của các tổ chức tín dụng để thực hiện các dự án đầu tư mới, đầu tư chiều sâu, mở rộng dự án, đổi mới công nghệ, thiết bị... với mức hỗ trợ lãi suất là 0,2%/tháng (Nguyễn Đức, 2014). Cùng với đó, TP Hà Nội đã tổ chức nhiều chương trình hỗ trợ DN, như: Chương trình hỗ trợ DN phát triển công nghiệp chủ lực, công nghệ cao, và hỗ trợ làng nghề; hỗ trợ DN xúc tiến thương mại; hỗ trợ lãi suất tín dụng; hỗ trợ thông qua chính sách thuế; chính sách bất động sản; hỗ trợ đào tạo, tư vấn cho DN.

Năm 2013, Hà Nội phê duyệt Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, ứng dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến, đẩy mạnh đầu tư vào các sản phẩm, mặt hàng có thế mạnh của Hà Nội. Chương trình hỗ trợ các doanh nghiệp, cơ sở công nghiệp sản xuất ra các sản phẩm, mặt

hàng có thể mạnh về khoa học công nghệ, cụ thể là các hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; hỗ trợ tư vấn chuyên giao công nghệ, thông tin, xúc tiến thương mại; hỗ trợ đào tạo, huấn luyện kiến thức quản lý công nghệ cho đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật; hỗ trợ kinh phí, lãi suất vay để doanh nghiệp đổi mới, nâng cao năng lực công nghệ.... Hà Nội đặt mục tiêu tốc độ đổi mới công nghệ, thiết bị đạt 12-17%/năm giai đoạn 2011-2015 và đạt trên 20% giai đoạn 2016-2020 tại các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố (Anh Dũng, 2013).

Ngoài các văn bản pháp luật của Thành phố, còn có hoạt động tài trợ và hỗ trợ các DN đầu tư ĐMCN thông qua các quỹ như Quỹ đầu tư phát triển thành phố, Quỹ phát triển KHCN thành phố với lãi suất ưu đãi. Những tổ chức đầu tư phát triển công nghệ, chuyển giao kết quả nghiên cứu KHCN nhằm tăng năng suất-chất lượng sản phẩm, bảo vệ môi trường có thể được Quỹ phát triển KHCN cho vay tới 80% tổng mức đầu tư của dự án với lãi suất cho vay chỉ bằng 10% mức lãi suất cho vay trung và dài hạn bình quân của ngân hàng thương mại cổ phần nhà nước. Đồng thời, được ngân sách thành phố hỗ trợ trực tiếp 30% giá trị hợp đồng mua bí quyết công nghệ, giải pháp kỹ thuật quy trình công nghệ, thiết kế kỹ thuật thuộc các lĩnh vực và loại hình công nghệ cao được ưu tiên nghiên cứu và phát triển.

Đối với những đề tài, dự án nghiên cứu ứng dụng và triển khai thực nghiệm, Quỹ phát triển KHCN thành phố cho vay mức 30% tổng mức đầu tư với lãi suất 0% trong thời gian thực hiện đề tài, dự án. Sau khi có kết quả ứng dụng mang lại hiệu quả, tác giả đề tài, dự án có thể được ngân sách Thành phố hỗ trợ 30% tổng kinh phí thực hiện trong giai đoạn ứng dụng (Khánh Châu, 2014). Những doanh nghiệp đầu tư xây dựng hạ tầng và dịch vụ KHCN có áp dụng công nghệ thân thiện với môi trường, công nghệ tiết kiệm năng lượng, tiết kiệm đất sẽ được hưởng ưu đãi ở mức cao nhất theo quy định của Chính phủ, và được vay vốn từ Quỹ đầu tư phát triển thành phố, Quỹ phát triển KHCN thành phố với lãi suất ưu đãi.

Quyết định số 2495/QĐ-UBND ngày 10/4/2013 của Thành phố Hà Nội, về việc hỗ trợ

lãi suất sau đầu tư cho các doanh nghiệp của thành phố. Theo đó, ngân sách thành phố hỗ trợ lãi suất sau đầu tư đối với các khoản vay trung và dài hạn (từ một năm trở lên) cho các doanh nghiệp Hà Nội, sử dụng nguồn vốn vay của các tổ chức tín dụng để thực hiện dự án đầu tư mới, đầu tư chiều sâu, mở rộng dự án, đổi mới kỹ thuật, công nghệ, thiết bị trên địa bàn.

Kế hoạch số 131/KH-UBND ngày 13/8/2013 của Hà Nội về Trợ giúp phát triển DNNVV trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn thành phố giai đoạn 2013-2020, trong đó có nội dung xây dựng vườn ươm doanh nghiệp ngành cơ khí chế tạo, ươm tạo các doanh nghiệp khởi nghiệp và doanh nghiệp trẻ trong ngành cơ khí chế tạo, tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật và xây dựng các chương trình đào tạo cho các doanh nghiệp ươm tạo, xây dựng các trung tâm hỗ trợ kỹ thuật lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ.

Hà Nội đã chủ động khai thác nguồn lực của đội ngũ trí thức trên địa bàn thể hiện qua Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 12-7-2013 của HĐND thành phố về "Chính sách ưu đãi áp dụng đối với tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển KH&CN, cùng các nhà KH-CN tham gia thực hiện chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm của Thủ đô" đã đưa ra nhiều chế độ ưu đãi với các nhà khoa học trong nước và ngoài nước, áp dụng cơ chế khoán gọn theo khối lượng công việc và chất lượng đầu ra sản phẩm.

Quyết định số 5692/QĐ-UBND năm 2010 của UBND thành phố Hà Nội phê duyệt kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2011-2015 tăng cường khả năng cạnh tranh bằng cách hỗ trợ doanh nghiệp khắc phục những thiếu hụt về kiến thức, kỹ năng và thông tin bằng các khóa đào tạo ngắn hạn, các lớp quản trị doanh nghiệp và đào tạo kiến thức quản đốc điều hành.

2.2. Thực trạng các DN Hà Nội thực hiện các chính sách hỗ trợ ĐMCN

Từ năm 2008-2013, Hà Nội chi khoảng 3.000 tỷ đồng ngân sách cho hoạt động KHCN. Trong giai đoạn 2008-2014, Thành phố đã triển khai 616 đề tài nghiên cứu và 56 dự án sản xuất thử nghiệm thuộc các chương trình KHCN cấp thành phố. Tỷ lệ ứng dụng thực tiễn của các đề tài đạt 70% và của dự án là 100% (Khánh Châu,

2014). Những chính sách của thành phố đưa ra đã khuyến khích, động viên các cơ sở sản xuất, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân nghiên cứu khoa học và đổi mới công nghệ. Hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đã gắn kết hơn với thực tiễn sản xuất, kinh doanh. Thành phố tập trung vào việc hỗ trợ các doanh nghiệp nghiên cứu hoàn thiện, phát triển các sản phẩm mới có khả năng cạnh tranh và mở rộng thị trường; nghiên cứu, chế tạo ra một số dây chuyền công nghệ thiết bị đồng bộ, hiện đại đáp ứng nhu cầu trong nước, thay thế nhập khẩu (Tri thức và Phát triển, 2015).

Trong hai năm 2013 – 2014, Hà Nội đã hỗ trợ cho các doanh nghiệp 170 tỷ, tuy nhiên tỷ lệ giải ngân trong gói hỗ trợ doanh nghiệp năm 2013 đạt thấp (6,7%) do nhiều DN khó khăn trong sản xuất kinh doanh đặc biệt là đầu ra sản phẩm tiêu thụ chậm, nên rất ít doanh nghiệp mạnh dạn đầu tư cho sản xuất. Việc hỗ trợ lãi suất theo chính sách của thành phố ở mức 2,4%/năm chỉ giảm được phần nào lãi suất ngân hàng (18-19%/năm), vì vậy cũng chưa khuyến khích doanh nghiệp vay vốn mở rộng sản xuất. Hơn nữa, một số doanh nghiệp không đáp ứng các điều kiện trong các quy định của thành phố về hỗ trợ lãi suất sau đầu tư như: nợ thuế, nợ bảo hiểm xã hội (Minh Anh, 2014).

Mặc dù nhiều DN trên địa bàn Hà Nội đã có những cố gắng trong hoạt động đầu tư sản xuất, kinh doanh, tuy nhiên, trước khó khăn chung của nền kinh tế, DN rất cần được hỗ trợ đặc biệt là về cơ chế, chính sách. Tuy nhiên, việc tiếp cận nguồn vốn vay trong quá trình đầu tư mở rộng sản xuất gặp nhiều khó khăn... Trong năm 2014, Chương trình kết nối ngân hàng – DN đã kết nối cho 5 DN được ngân hàng cho vay 265 tỷ đồng với lãi suất ưu đãi, 25 DN được vay vốn, điều chỉnh lãi suất cho vay với số tiền là 1.056 tỷ đồng, lãi suất 6 - 8% đối với các khoản vay ngắn hạn và 8 - 10,5% đối với các khoản trung và dài hạn... Hoạt động này đã góp phần tháo gỡ khó khăn, vướng mắc giúp DN đẩy mạnh sản xuất, kinh doanh và xuất khẩu. (Lê Nam 2015).

Các cơ chế, chính sách hỗ trợ ĐMCN của Nhà nước và thành phố Hà Nội tương đối phong phú và toàn diện, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho doanh nghiệp và các nhà khoa học trong hoạt

động KHCN. Tuy nhiên, kết quả đạt được vẫn chưa tương xứng với lợi thế và tiềm năng của thành phố. Thời gian gần đây, các DN đã mạnh dạn đầu tư nhiều hơn vào KHCN, tuy nhiên do năng lực hấp thụ công nghệ yếu, các rào cản về lãi suất, tài sản thế chấp và quy trình thủ tục phức tạp nên nhiều DN còn e ngại dẫn tới việc chậm trễ đổi mới công nghệ. Có nhiều doanh nghiệp hoạt động tốt lúc chưa đầu tư KHCN, nhưng sau khi huy động vốn mua mới công nghệ máy móc thì không phát huy được lợi thế công nghệ, và chịu thêm gánh nặng vay lãi suất cao. Phần nhiều doanh nghiệp chưa chú trọng đến hoạt động nghiên cứu khoa học và triển khai ứng dụng công nghệ, chưa thương mại hoá được các kết quả nghiên cứu của các viện, trường. Việc đổi mới công nghệ ở doanh nghiệp chủ yếu là nhập khẩu máy móc và nguyên vật liệu nước ngoài để sản xuất gia công.

Thị trường công nghệ còn sơ khai, đổi mới công nghệ chủ yếu là hoạt động nhỏ lẻ giữa các doanh nghiệp, sự tác động hỗ trợ từ phía Nhà nước chưa tạo sự đột phá, đồng thời chưa tạo ra động lực gắn kết chặt chẽ giữa nghiên cứu, ứng dụng và đào tạo với nhu cầu sản xuất, kinh doanh và quản lý của doanh nghiệp. Việc thực thi các cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp tiến hành các hoạt động đổi mới công nghệ vẫn còn nhiều hạn chế. Việc đầu tư đổi mới công nghệ tại các doanh nghiệp còn chậm trễ, do tình trạng rào cản quan liêu gây vướng mắc cho các doanh nghiệp khi tiếp cận chính sách vẫn chưa được cải thiện. Cơ quan Nhà nước vẫn làm việc theo cơ chế xin cho khiến nhiều chính sách của Nhà nước không đến được với doanh nghiệp, hoặc khiến doanh nghiệp mất rất nhiều thời gian, công sức mới được xét duyệt hồ sơ.

Đối với Hà Nội, thu hút FDI là một trong những thế mạnh trong 10 năm trở lại đây. Bằng chứng là tăng trưởng công nghiệp Hà Nội luôn gắn liền với nguồn vốn đầu tư và hoạt động của khối FDI. Thông qua FDI, ngoài việc đầu tư vốn, phát triển sản xuất kinh doanh, các DN nước ngoài còn tạo điều kiện chuyển giao công nghệ, kỹ thuật, phương thức và bí quyết kinh doanh, từ đó tạo ra tác động lan toả, tạo sức ép cạnh tranh mạnh mẽ trong từng ngành, tạo động lực cho DN trong nước cải tiến công nghệ, thay

đòi mẫu mã, chất lượng sản phẩm dịch vụ và thúc đẩy hội nhập quốc tế.

Tuy nhiên, DN FDI và nội địa tại Hà Nội liên kết khá lỏng lẻo nên còn nhiều hạn chế trong việc lan tỏa chuyên gia công nghệ trực tiếp. Để các DN Hà Nội tiếp thu được công nghệ mới thì thành phố phải cải thiện nhanh chóng năng lực tiếp thu công nghệ, chủ trọng đầu tư nhiều hơn cho nghiên cứu phát triển công nghệ R&D, lựa chọn kết hợp sử dụng các loại công nghệ khác nhau một cách có hiệu quả, tăng cường đào tạo phát triển trình độ nguồn nhân lực, bố trí nguồn vốn thường xuyên, đầy đủ cho đổi mới công nghệ, tăng cường sự hợp tác liên kết theo nhiều hình thức với DN nước ngoài (Cơ khí Gia Long, 2015).

Trước đây, chính sách R&D chỉ tập trung vào viện, trường, không tạo ra liên kết với doanh nghiệp, đã làm hạn chế hiệu quả đầu tư. Khu vực DN hiện vẫn đầu tư rất thấp cho R&D, mức độ đổi mới sáng tạo còn thấp, thiếu sự kết nối với hoạt động nghiên cứu của các tổ chức nghiên cứu công lập. Hoạt động nghiên cứu KH chủ yếu diễn ra ở các Viện nghiên cứu, trường ĐH... Các doanh nghiệp vẫn còn khá thụ động trong việc xây dựng các đề án nghiên cứu khoa học phục vụ cho công tác sản xuất của cơ sở, hầu hết chỉ mua lại công nghệ đã có sẵn chứ chưa phát huy hết năng lực của các nhà khoa học đang làm việc tại bản thân doanh nghiệp (Mính Châu, 2015).

2.3. Hạn chế và nguyên nhân

Hiện tượng doanh nghiệp còn chậm trễ trong triển khai nghiên cứu và ứng dụng đổi mới công nghệ và tiếp nhận các chính sách xuất phát từ nguyên nhân nội tại và nguyên nhân bên ngoài doanh nghiệp.

Mức độ bao phủ của chính sách và khả năng tiếp cận chính sách của DN

Về phía DNNVV, khó khăn về nguồn vốn là trở ngại chính khiến cho hoạt động nghiên cứu khoa học và đổi mới công nghệ khó có thể triển khai sâu rộng. Nhận thức cũng như trình độ cán bộ quản lý doanh nghiệp và cán bộ phụ trách công nghệ còn khá hạn chế (Nguyễn Thành Công, 2013).

Tuy các chương trình và chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ đã

tương đối phong phú, song trên thực tế đại bộ phận các DN Hà Nội vẫn không tiếp cận được chính sách hỗ trợ. Đặc biệt, tỷ lệ DNNVV tham gia vào các chương trình hỗ trợ của Chính phủ như: Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia, Quỹ đổi mới Khoa học công nghệ chỉ khoảng dưới 10%. Điều này có thể do các DNNVV có nguồn lực hạn chế, hoặc chưa chuẩn bị sẵn sàng tiếp cận các nguồn lực từ Chính phủ, doanh nghiệp thiếu thông tin, hoặc thủ tục quá phức tạp (Nguyễn Thị Minh Nghĩa, 2015). Việc tư vấn chuyên gia công nghệ, và thông tin từ phía Nhà nước rất quan trọng song các hoạt động từ phía nhà nước như tổ chức giới thiệu các công nghệ mới, các kết quả nghiên cứu cho các doanh nghiệp để các doanh nghiệp lựa chọn các giải pháp công nghệ còn chưa hiệu quả. Đồng thời, doanh nghiệp Hà Nội còn thiếu và yếu trong việc tìm kiếm thông tin, cũng như tiếp cận thông tin hỗ trợ, khó tìm được công nghệ thích hợp. Thực tế hiện nay các không ít DN không có thông tin về các công nghệ mới trong nước, nhiều DN đã bỏ tiền ra nhập khẩu công nghệ từ nước ngoài mà không tìm hiểu kỹ công nghệ nên không ứng dụng phù hợp với doanh nghiệp và công nghệ trong nước.

Hiện vẫn còn một khoảng cách lớn giữa các chính sách ban hành để hỗ trợ DN với khả năng hấp thụ của DN. Doanh nghiệp còn có tiềm lực yếu, quy mô nhỏ và vừa là chủ yếu nên còn gặp khó khăn về vốn, lúng túng trong việc tiếp cận thông tin và phương thức thực hiện đổi mới công nghệ. Các chính sách hỗ trợ dành cho DN là khá nhiều nhưng khả năng hấp thụ chính sách hỗ trợ rất yếu. DN nhận biết chính sách nhưng không hấp thụ được vì không đủ nội lực (Trang Anh, 2015).

Mức hỗ trợ không cao do các chương trình hỗ trợ phân tán, nhỏ lẻ, và thời gian hỗ trợ chưa đủ dài để thực hiện việc đổi mới công nghệ toàn diện nên không thu hút được các DN đầu tư cho KH&CN, mà các DN chủ yếu vẫn tận dụng máy móc, trang thiết bị công nghệ cũ. Thủ tục xin xét duyệt hỗ trợ còn thiếu công khai, rườm rà, mất thời gian đã làm cho chính sách nhà nước trở nên kém hiệu quả, gây khó khăn cho doanh nghiệp khi tiếp cận các chính sách hỗ trợ, nguồn vốn ưu đãi và các nguồn hỗ trợ khác. Một số

Hiện tượng phân biệt đối xử giữa các thành phần kinh tế vẫn còn tồn tại trong các cơ quan thực hiện chính sách. Mặc dù các chính sách/chương trình thể hiện sự đối xử bình đẳng giữa các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế nhưng trên thực tế, các doanh nghiệp do bộ ngành hoặc địa phương chủ quản dễ tiếp cận và nhận nhiều nguồn vốn hơn các doanh nghiệp tư nhân vì các DN này hầu như ít có cơ hội được tiếp cận chính sách hỗ trợ của Nhà nước (Hoàng Văn Cương, 2012).

Hiệu quả hỗ trợ của chính sách

Hiện chưa có các tiêu chí chính thức đánh giá tác động của các chương trình, chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ đến sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp. Tuy nhiên, có thể xem xét hiệu quả của các chính sách, chương trình hỗ trợ DN ĐMCN dựa vào một vài tiêu chí như: khả năng nhận biết chính sách của doanh nghiệp, nhận thức của DN về mức độ cần thiết phải đầu tư ĐMCN, mức đầu tư của doanh nghiệp cho hoạt động ĐMCN, sự phù hợp của chính sách nhằm thúc đẩy doanh nghiệp ĐMCN, tính đơn giản của thủ tục và dễ tiếp cận của DN để được nhận hỗ trợ.

Nhiều chương trình hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư ĐMCN nhưng hiện nay các DN Việt Nam chỉ dành 0,2 - 0,3% doanh thu cho đầu tư đổi mới công nghệ, thấp hơn rất nhiều so với 5% ở Ấn Độ và 10% ở Hàn Quốc. Đồng thời, rất ít doanh nghiệp sử dụng từ vấn khi đầu tư mua sắm công nghệ (Anh Thư, 2015). Như vậy có thể nói, các chương trình/chính sách hỗ trợ DN chưa thực sự phát huy tác dụng. Ví dụ, chính sách đào tạo phát triển DN doanh nhân do Bộ KH&ĐT thực hiện đã triển khai 2 giai đoạn từ 2004 - 2008, 2011 - 2015 với mục tiêu đạt 1 triệu DN, thay đổi còn 750.000 DN nhưng cũng không đạt được mục tiêu. Các chương trình đào tạo của chúng ta chưa thu hút và đúng nguyên vọng của DN nên DN thờ ơ với chương trình đào tạo, hỗ trợ của Nhà nước.

Trong khi đó, các chính sách, cơ chế hỗ trợ của Nhà nước, thành phố chưa thực sự phù hợp và dễ thực hiện đối với doanh nghiệp. Hiện tại, Nhà nước đầu tư cho KH&CN đa phần mang tính dân trí và manh mún; chính sách chung hỗ trợ DN đã tương đối đầy đủ, nhưng chính sách

hỗ trợ trực tiếp thì còn hạn chế. Các chính sách này có tác động rất ít đến doanh nghiệp vì được thiết kế manh mún, còn nhiều mâu thuẫn với chính sách phát triển ngành (Tô Hà, 2015).

Hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp ĐMCN cũng còn nhiều bất cập như công tác tuyên truyền, quảng bá về hoạt động KH&CN nói chung và các chương trình hỗ trợ nói riêng chưa đi vào chiều sâu, doanh nghiệp chưa nhận thức đầy đủ về hiệu quả lâu dài của việc ĐMCN, các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp chưa có lộ trình phát triển công nghệ về lâu dài...

Chương trình hỗ trợ chưa xuyên suốt và thống nhất, và chưa có cơ chế phối hợp và một cơ quan đầu mối để kết nối các đối tượng hưởng lợi của các chương trình, chính sách cho phù hợp, còn có hiện tượng nhóm doanh nghiệp đã được đào tạo trong chương trình đào tạo của Bộ KH&ĐT lại không thuộc nhóm doanh nghiệp được hỗ trợ của Bộ Công thương và chương trình của Bộ Khoa học và Công nghệ. Tiến độ thực hiện chính sách còn khá chậm, thời gian để xây dựng các văn bản hướng dẫn thực hiện kéo dài từ 1-2 năm như Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2020, Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao, Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia gắn với công nghệ tiên tiến, Quỹ phát triển DNVVN. Hoạt động gặp gỡ, tiếp xúc giữa giới doanh nhân và giới khoa học không được tiến hành thường xuyên (Khánh Châu, 2014). Cơ sở vật chất của các viện nghiên cứu, các trường đại học chưa đáp ứng yêu cầu của nghiên cứu khoa học.

Chính sách tạo môi trường thể chế trong thời gian qua vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của quá trình tiếp nhận, thích nghi, làm chủ về ĐMCN của doanh nghiệp, cũng như chưa có những chế tài pháp luật đặc biệt, đủ mạnh để buộc các doanh nghiệp phải tiến hành các hoạt động ĐMCN. Về phía Doanh nghiệp, hầu hết các doanh nghiệp tiềm lực kinh tế còn hạn hẹp, chưa mạnh dạn "đầu tư mạo hiểm" để tạo ra bước đột phá trong sản xuất và kinh doanh. Chính sách đào tạo, thông tin tuyên truyền chưa phát huy được hiệu quả, chưa thực sự hấp dẫn, chưa có phương thức đào tạo, thông tin, tuyên truyền trong việc nâng cao nhận thức lợi ích của ĐMCN đối với hoạt động sản xuất kinh doanh.

3. Các giải pháp trong thời gian tới

3.1. Tiếp tục thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận thông tin chính sách

Các cơ chế chính sách vẫn cần tiếp tục hoàn thiện, tạo môi trường chính sách thuận lợi để thúc đẩy DN ĐMCN phù hợp với nền kinh tế thị trường, không phân biệt loại hình sở hữu trong việc hỗ trợ doanh nghiệp ĐMCN. Đồng thời tăng cường phổ biến thông tin, nâng cao nhận thức của doanh nghiệp về sự cần thiết của đổi mới công nghệ trong thời kỳ hội nhập quốc tế.

Muốn thực hiện tốt vai trò này, thành phố cần đẩy mạnh tuyên truyền về các chủ trương và chính sách khuyến khích doanh nghiệp phát triển khoa học công nghệ, cụ thể tới từng nhóm doanh nghiệp của Hà Nội. Hà Nội có thể phối hợp giữa các cơ quan Trung ương trong việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật về đổi mới công nghệ và tiếp tục tăng cường tuyên truyền chính sách hỗ trợ của Thành phố để các doanh nghiệp đẩy mạnh đầu tư, có thêm nhiều dự án được thụ hưởng chính sách của thành phố trong thời gian tới. Hà Nội nên tận dụng vai trò của các Hiệp hội doanh nghiệp trên địa bàn thành phố trong việc cung cấp và truyền bá thông tin về các chương trình hỗ trợ DN đầu tư đổi mới công nghệ. Các hiệp hội như Hội doanh nghiệp trẻ Hà Nội (HanoiBA), Hội Doanh nhân trẻ Việt Nam, Hiệp hội DNNVV Việt Nam, Hiệp hội doanh nghiệp thành phố Hà Nội, Hiệp hội các Doanh nghiệp vừa và nhỏ thành phố Hà Nội là những kênh truyền bá thông tin về các chương trình hỗ trợ hữu ích cho các doanh nghiệp.

3.2. Hỗ trợ tìm kiếm, tiếp cận thông tin và các nguồn lực cho đổi mới công nghệ

Hà Nội là thủ đô của cả nước nên có nhiều lợi thế về tiếp nhận thông tin và công nghệ mới. Thành phố có thể phát triển mạng lưới các tổ chức trung gian cung cấp thông tin, đào tạo về công nghệ, huy động hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ thông qua việc học tập và trao đổi tri thức, kinh nghiệm, thông tin khoa học, nguồn lực tài chính, bí quyết công nghệ, đào tạo nhân lực và hỗ trợ trang thiết bị từ nước ngoài. Thành phố cần thường xuyên tổ chức các buổi hội thảo, các cuộc triển lãm, trình diễn các công nghệ mới, các phương pháp quản lý đổi mới; tổ chức các dịch vụ cung cấp các thông tin về cạnh

tranh và kinh doanh cho các chuyên gia cổ vấn kỹ thuật, các doanh nghiệp có nhu cầu. Hà Nội nên thường xuyên tổ chức các hội chợ công nghệ và thiết bị mang tầm quốc gia, địa phương, các sàn giao dịch công nghệ để phục vụ hiệu quả nhu cầu kết nối cung cầu. Thành phố với vai trò chính là hỗ trợ tìm kiếm giải pháp khoa học và công nghệ như cải cách thủ tục hành chính, thu hút vốn đầu tư để xây dựng cơ sở hạ tầng, kỹ thuật.

Thành phố Hà Nội nói riêng và Nhà nước nói chung cần tạo mọi điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp có thể khai thông các nguồn vốn trong nước, vốn nước ngoài, vốn của doanh nghiệp, vốn của các tổ chức, cá nhân ngoài xã hội v.v. để phục vụ mục đích đầu tư đổi mới công nghệ của DN. Nhà nước khuyến khích tổ chức, các nhân đầu tư khoa học và công nghệ vào doanh nghiệp dưới các hình thức: ưu đãi hỗ trợ DN tham gia các hoạt động khoa học công nghệ như đầu tư trực tiếp, liên doanh, liên kết hoặc ủy thác; khuyến khích tổ chức, cá nhân tài trợ, vận động các khoản tài trợ không hoàn lại từ các tổ chức, các nhân trong và ngoài nước phục vụ hoạt động khoa học và công nghệ của các doanh nghiệp.

Nguồn lực có thể đến từ các viện, trường, trung tâm nghiên cứu (như cung cấp nguồn dịch vụ KHCN, các chuyên gia nghiên cứu và tư vấn cho doanh nghiệp), hoặc từ các tổ chức tài chính nhà nước và tư nhân. Để tận dụng được nguồn lực tài chính cho các khoản vay đầu tư đổi mới công nghệ của doanh nghiệp, bên cạnh những quy định pháp lý mang tính ràng buộc đối với các ngân hàng, cần có những cơ chế giảm thiểu rủi ro cho ngân hàng cũng như đơn vị vay để đầu tư KHCN – đầu tư mạo hiểm, như Nhà nước có thể đảm nhiệm vai trò bảo lãnh đối với khoản vay phục vụ phát triển ĐMCN cho doanh nghiệp.

3.3. Kết nối các nhà khoa học và doanh nghiệp, thúc đẩy DN thực hiện R&D

DN không thể đơn độc trong việc đầu tư đổi mới, mà cần có sự hợp tác từ phía Nhà nước và các nhà khoa học. Do vậy mối quan hệ chính phủ - doanh nghiệp - viện nghiên cứu cần có sự gắn kết mạnh mẽ và bổ sung cho nhau. Trong đó, chính phủ có vai trò chủ lực, kết nối doanh

ng nghiệp và các nhà khoa học. Vai trò trung gian, cầu nối của Nhà thể hiện bằng cách tập hợp nhu cầu nghiên cứu, đổi mới công nghệ, đổi mới sản phẩm của các doanh nghiệp. Nếu doanh nghiệp không có khả năng tự đổi mới hoặc không có bộ phận R&D, Nhà nước sẽ là cầu nối, tạo điều kiện để doanh nghiệp tiếp cận tới các viện, trường.

Hơn nữa, doanh nghiệp ít đầu tư khoa học và công nghệ vì hoạt động này chứa đựng nhiều rủi ro nên Nhà nước cần hỗ trợ trực tiếp hoặc tạo mối liên kết và hợp tác giữa Nhà nước và doanh nghiệp, giữa các doanh nghiệp với nhau. Việc này không chỉ chia sẻ rủi ro trong nghiên cứu khoa học với DN, mà còn thúc đẩy doanh nghiệp thực hiện hoạt động nghiên cứu hợp tác với các Viện, trường, các cơ sở nghiên cứu. Qua đó, nâng cao đóng góp của các trường đại học và cơ sở nghiên cứu công.

Thực tế hiện nay, còn nhiều đơn vị thực hiện R&D chông chéo mà phần lớn số đó không đạt qui mô tối ưu do thiếu vốn, nhân sự, hạ tầng. Để hoạt động R&D đem lại hiệu quả cao, bên cạnh sự chủ động của các DN thì cần có sự kết hợp chặt chẽ giữa các DN với các trung tâm nghiên cứu quốc gia, các viện nghiên cứu thuộc các trường đại học để có sự hỗ trợ, tương tác về khoa học, từ đó sẽ có được phát minh, sáng chế vừa phù hợp với yêu cầu của thị trường và sự phát triển kinh tế của đất nước, vừa đảm bảo hiệu quả hơn cho hoạt động R&D của DN. Chính vì vậy, đòi hỏi Nhà nước cần có biện pháp mạnh mẽ hơn cũng như hỗ trợ hiệu quả hơn để kết nối doanh nghiệp với các nhà nghiên cứu, thúc đẩy doanh nghiệp đầu tư cho R&D.

Kết luận

Như vậy có thể thấy, các chính sách, chương trình hỗ trợ cho doanh nghiệp đổi mới công nghệ từ phía Chính phủ và chính quyền thành phố Hà Nội tương đối đầy đủ và phong phú song còn nhiều chính sách chưa thực sự hợp lý và sát với yêu cầu thực tế của doanh nghiệp, còn nhiều rào cản về thủ tục xét duyệt, một số quy định rườm rà và yêu cầu cao, làm cho các doanh nghiệp, đặc biệt là DNNVV không thể tiếp cận được. Chính vì vậy, Nhà nước có vai trò quan trọng trong việc tiếp tục hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận các chính sách của Nhà nước, tìm kiếm

và tiếp cận các dự án tài trợ trong và ngoài nước, huy động các thành phần xã hội đầu tư cho doanh nghiệp đổi mới công nghệ, hợp tác nghiên cứu khoa học với doanh nghiệp, gắn kết doanh nghiệp và các viện nghiên cứu, thúc đẩy doanh nghiệp thực hiện R&D, tiếp tục thu hút dự án FDI đầy mạnh chuyển giao công nghệ cho các doanh nghiệp trong nước. Nhà nước cần tiếp tục dẫn dắt, định hướng và hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ bằng cách đẩy mạnh các giải pháp trên nhằm tạo mọi điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tồn tại và phát triển bền vững.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Anh Dũng, 2013 “Hà Nội: Hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ”, truy cập ngày 15/7/2015 từ: <http://thanglong.chinhphu.vn/Home/Ha-Noi-Ho-tro-doanh-nghiep-doi-moi-cong-nghie/20139/8874.vgp>
- Anh Thu, 2015 “Đầu tư đổi mới công nghệ của doanh nghiệp Việt ở mức thấp”, truy cập ngày 14/7/2015 từ: <http://www.sggp.org.vn/dautukt/2015/1/374076/>
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 2014 “Đánh giá tình hình thực hiện các chính sách, chương trình trợ giúp phát triển DNNVV (cập nhật đến tháng 8/2014)”, truy cập ngày 7 tháng 5 năm 2015.
- Bùi Xuân Tuấn, 2015 “Hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới, nâng cao trình độ khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế và hội nhập”, truy cập ngày 15/7/2015 từ: http://www.vinalab.org.vn/news/654_3309/ho-tro-doanh-nghiep-doi-moi-nang-cao-trinh-do-khoa-hoc-va-cong-nghie-phuc-vu-phat-trien-kinh-te-va-hoi-nhap.html
- Cơ khí Gia Long online, 2015 “Tiếp nhận công nghệ tiên tiến từ FDI”, truy cập vào ngày 15/7/2015, từ: <http://cokhigialong.com/tiep-nhan-cong-nghie-tien-tien-tu-fdi-82.html>
- Hoàng Văn Cương, 2012 “Đánh giá cơ chế chính sách khuyến-cong-nghie-tien-tien-tu-fdi-82.html-fdi-82.html” ngày 15/7/2015, từ: gnghe-phuc-vu-phat-trien-kinh-te, Đh giá cơ chế chính sách, Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

■ Khánh Châu, 2014 “Đòn bẩy cho các doanh nghiệp thủ đô” truy cập vào ngày 15/7/2015, từ: <http://www.nistpass.gov.vn/en/component/content/article/10-tin-tuc/tin-chien-luoc-chinh-sach/1293-don-bay-cho-cac-doanh-nghiep-thu-do>

■ Lê Nam, 2015 “Doanh nghiệp Thủ đô ra quân sản xuất đầu năm”, truy cập ngày 15/7/2015, từ: <http://www.ktdt.vn/kinh-te/doanh-nghiep/2015/02/8102A68F/doanh-nghiep-thu-do-ra-quan-san-xuat-dau-nam/>

■ Minh Anh 2014, Hiệu quả từ các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, truy cập ngày 15/5/2015 từ: <http://thanglong.chinhphu.vn/Home/Hieu-qua-tu-cac-chinh-sach-ho-tro-doanh-nghiep/201412/12388.vgp>

■ Minh Châu 2015, TP Hồ Chí Minh: mới có 85 doanh nghiệp thành lập Quỹ phát triển KH&CN truy cập vào ngày 14/7/2015 từ: <http://truyenthongkhoaoc.vn/vn/TP-Ho-Chi-Minh-moi-co-85-doanh-nghiep-thanh-lap-Quy-phat-trien-KH-CN-c1047/TP-Ho-Chi-Minh-moi-co-85-doanh-nghiep-thanh-lap-Quy-phat-trien-KH-CN-n7283>

■ Nguyễn Đức 2014: Hà Nội nỗ lực thu hút FDI sạch, truy cập ngày 15/7/2015, từ: <http://baodautu.vn/ha-noi-no-luc-hut-fdi-sach-d3185.html>

■ Nguyễn Thị Minh Nghĩa 2015 “Một số hạn chế liên quan đến sự phát triển của doanh nghiệp nhỏ và vừa Hà Nội trong giai đoạn hiện nay” truy cập ngày 17 tháng 7 năm 2015 từ: <http://dost.hanoi.gov.vn/tin-hoat-dong-cua-so/news/0a1dDnsUqQBB/1/340211.html;jsessionid=YZChkiusrOhphwuxRXwQzn28.node5>

■ Nguyễn Văn Khải 2013 “Khoa học và công nghệ đưa Hà Nội phát triển vững chắc” truy cập ngày 17 tháng 7 năm 2015 từ: <http://www.nistpass.gov.vn/en/component/content/article/21-thong-tin-tu-lieu/tailieumoi/1012-khoa-h-c-va-cong-ngh-dua-ha-n-i-phat-tri-n-v-ng-ch-c>

■ Thời báo ngân hàng 2014 “Hợp tác hỗ trợ doanh nghiệp thủ đô”: truy cập ngày 17 tháng 7 năm 2015 từ: <http://thoibaonganhang.vn/hop-tac-ho-tro-dn-thu-do.html>

■ Tô Hà 2015, Khó khăn vẫn bủa vây doanh nghiệp nhỏ, truy cập ngày 15/7/2015 từ <http://nld.com.vn/kinh-te/kho-khan-van-bua-vay-doanh-nghiep-nho-20150127224319562.htm>

■ Trang Anh 2015 “Năng lực hấp thụ công nghệ của doanh nghiệp còn yếu” truy cập ngày 15/7/2015 từ <http://ktdt.vn/kinh-te/doanh-nghiep/2015/02/8102A753/nang-luc-hap-thu-cong-ngh-cua-doanh-nghiep-con-yeu/>

■ Trí thức và Phát triển 2015, “Gắn hoạt động khoa học công nghệ với phát triển Thủ đô”, truy cập ngày 20/7/2015, từ: http://www.trithucvaphattrien.vn/n1798_gan-hoat-dong-khoa-hoc-cong-ngh-c-voi-phat-trien-thu-do

■ World Bank 2014, Cần nghiên cứu và sáng tạo nhiều hơn để tạo động lực tăng trưởng bền vững ở Việt Nam, truy cập ngày 17/5/2015 từ <http://www.worldbank.org/vi/news/opinion/2014/05/19/more-research-and-innovation-needed-to-propel-vietnam-s-sustained-economic-growth>